

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**Bản án số: 31/2022/ HNGĐ-ST**  
**Ngày 28/3/2022**  
**V/v Tranh chấp: Ly hôn**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Hoanh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung

*Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; *có mặt.*

- **Bị đơn:** ông Nguyễn L(tên gọi khác: Nguyễn Duy L), địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.*

- **Người làm chứng:** Bà Đoàn Thị L1, địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, *vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2021 và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Năm 1995, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn L(tên gọi khác: Nguyễn Duy L) tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến năm 2008 thì mâu thuẫn do ông L cờ bạc, rượu chè về gây gổ, đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong gia đình. Từ năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, gia đình hai bên có can thiệp hòa giải, khuyên nhủ vợ chồng nhưng không có kết quả. Ông bà sống ly thân đầu tháng 8/2021 đến nay, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc nhau.

Nay bà V xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn L(tên gọi khác: Nguyễn Duy L) để bà được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: vợ chồng ông L bà V có 02 con chung là Nguyễn Thị H (sinh ngày 10/12/1995) và Nguyễn Thị H1 (sinh ngày 16/01/1997), hiện đều đã trưởng thành, bà V không yêu cầu Tòa can thiệp.

Về tài sản chung và nợ chung bà V không yêu cầu Tòa can thiệp.

*Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn L (tên gọi khác: Nguyễn Duy L) đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu yêu cầu và ý kiến, không tham gia giải quyết vụ án.*

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Nguyễn Thị V thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn Nguyễn L (tên gọi khác: Nguyễn Duy L), trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V và ông L đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà V được ly hôn với ông L. Về con chung vợ chồng là Nguyễn Thị H (sinh ngày 10/12/1995) và Nguyễn Thị H1 (sinh ngày 16/01/1997), đều đã trưởng thành, bà V không yêu cầu Tòa can thiệp nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung bà V khai không yêu cầu Tòa can thiệp, ông L vắng mặt không nêu ra ý kiến và yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị V khởi kiện ly hôn đối với ông Nguyễn L có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn L (tên gọi khác: Nguyễn Duy L) đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ tham gia giải quyết vụ án nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Nguyễn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn L (tên gọi khác: Nguyễn Duy L) thì thấy ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

[2.2] Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của ông L, bà V thì thấy: Theo bà V trình bày, trong quá trình chung sống, từ năm 2008 giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu

thuần do ông L thường xuyên cờ bạc, rượu chè. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bà V cương quyết xin ly hôn.

Qua kết quả xác minh cho thấy ông L và bà V có xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp và có 02 con chung, nhưng giữa ông L và bà V thường xuyên xảy ra cãi vã, xâu ầu nhau, gây mất trật tự thôn xóm.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ông L, bà V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, xử cho bà V được ly hôn với ông L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về quan hệ con chung*: Xét lời khai của bà V về quan hệ con chung phù hợp với các chứng cứ, tài liệu về hộ tịch và kết quả xác minh, thể hiện ông L và bà V có 02 con chung là Nguyễn Thị H (sinh ngày 10/12/1995) và Nguyễn Thị H1 (sinh ngày 16/01/1997), hiện đều đã trưởng thành nên không đề cập.

[2.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà V khai không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Ông L vắng mặt không nêu ra ý kiến và yêu cầu của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử tách yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung vợ chồng để giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu khởi kiện theo thủ tục chung.

[2.5] *Về án phí*: Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà V phải chịu án phí kiện xin ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên xử cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn L (tên gọi khác: Nguyễn Duy L).

- *Về án phí*: Án phí kiện xin ly hôn số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) bà Nguyễn Thị V phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) bà V đã nộp theo biên lai thu số 0003525 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Đ.

- *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích luật thi hành án dân sự).*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q.Nam

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND H. Đ
- UBND xã C
- Chi cục THADS H.Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**Nguyễn Thị Ái Linh**

